

Bố Trạch, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2024, giữa:

-Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.

-Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 2 P, xã P, huyện B, tỉnh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 07/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 30 tháng 7 năm 2024, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 30 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Triệu Thị H và anh Lê Văn T;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh T và chị H thỏa thuận, thống nhất giao 02 con Lê Triệu Anh T, sinh ngày 03/11/2006 và Lê Triệu Khánh N, sinh ngày 25/7//2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi 02 con cho chị H; con Lê Triệu Kim A, sinh ngày 29/3/2005 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cấm chị H ngăn cản anh T quyền thăm nom và chăm sóc con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi người chịu một nửa; chị H thỏa thuận, tự nguyện nộp thay cho cả phần anh T; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai số 0002587 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị H và anh T đã nộp đủ án phí. Chị H được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bồ Trạch(2 bản);
- Anh Lê Văn T;
- Chị Triệu Thị H;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bồ Trạch;
- Ban Tư pháp UBND xã P (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân